

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày 17/4/2023

(V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn)

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU**

*Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đoàn Trung Phước

*- Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lò Văn Lâm; Bà Nguyễn Thị Khánh Ly

*- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Thế - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Than Uyên.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:*

Ông: **Tòng Văn T**- Kiểm sát viên

Ngày 17/4/2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 20/2022/TLST - HNGĐ, ngày 07 tháng 11 năm 2022, về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Hải Y, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt không rõ lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2022, các Biên bản ghi lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Hải Y trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh T tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ đầu năm 2010, đăng ký kết hôn ngày 10/01/2010 tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị và anh T chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 06 năm, đến khoảng cuối năm 2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn một phần do kinh tế gia đình và cách nuôi dạy con cái. Từ đó hai vợ chồng không hợp nhau, hay xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, khiến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, không thể kéo dài thêm. Chị đã nộp

đơn nhiều lần tại Tòa án, song được Tòa án phân tích và được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nên đã rút đơn khởi kiện. Sau khi xảy ra mâu thuẫn hai vợ chồng đã tìm cách khắc phục cũng như được hai bên gia đình người thân động viên hòa giải nhưng không có kết quả, vì thế chị làm đơn xin ly hôn với anh T.

Về con chung; Chị và anh T có hai con chung gồm: Nguyễn Bá Minh Q, sinh ngày 15/05/2010 và Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 12/3/2016. Hiện nay hai con đang ở cùng với vợ chồng chị, khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Nếu được nuôi con chị không yêu cầu anh Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị Y khai chị có thu nhập bình quân từ 12 đến 15 triệu đồng/tháng từ việc kinh doanh Trà chanh và làm Kế toán viên cho nhiều danh nghiệp trên địa bàn, vì thế đảm bảo để nuôi cả hai con mặc dù cả chị và anh T đều chưa có nhà riêng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Nguyễn Thanh T: Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn nhận Thông báo thụ lý vụ án và Quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký tiến hành tố tụng đối với vụ án, nhận Giấy triệu tập tham gia tố tụng vào hồi 08 giờ ngày 22/11/2022, tuy nhiên đến thời điểm làm việc với Tòa án, bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Triệu tập các đương sự lần thứ hai vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 12/12/2022 bằng Giấy triệu tập số 03/GTT-TA ngày 06/12, bị đơn nhận Giấy triệu tập, tuy nhiên tại thời điểm làm việc, bị đơn Nguyễn Thanh T vắng mặt không rõ lý do. Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 01/TB-TA ngày 16/12/2022, bị đơn nhận thông báo, song tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào hồi 08 giờ ngày 21/12/2022 bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai được tổ chức vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 16/01/2023, bị đơn nhận thông báo nhưng vắng mặt tại phiên họp không rõ lý do. Tòa án tiến hành lập biên bản các lần bị đơn vắng mặt.

Do bị đơn không phối hợp, thường xuyên vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên hòa giải, Tòa án nhân dân huyện T đã không thể ghi nhận ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không tiến hành các phiên hòa giải cho theo các thông báo, các lần triệu tập.

Lời khai con chung: Con chung Nguyễn Bá Minh Q khai: Cháu là con đẻ của mẹ Nguyễn Hải Y và bố Nguyễn Thanh T, cháu không có tài sản riêng, cũng không có đóng góp vào khối tài sản chung của bố mẹ cháu. khi bố mẹ ly hôn cháu muốn ở với mẹ cháu Nguyễn Hải Y, vì khi ở với mẹ cháu, mẹ quan tâm đến cháu nhiều hơn, mẹ cháu không hay la mắng quát nạt như bố cháu, mẹ cháu có điều kiện hơn đảm bảo cho

cháu tốt hơn về cuộc sống ăn ở và học tập, lo cho anh em cháu việc ăn học, ngủ nghỉ được đảm bảo.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/3/2023, ấn định thời gian mở phiên vào 7 giờ 30 phút ngày 30/3/2023, tổng đạt trực tiếp, bị đơn không nhận Quyết định, có ghi vào Biên bản giao nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử với nội dung “Ngày 30/3/2023 tôi bận nên không tham dự phiên tòa được, nên tôi không nhất trí với thời gian trên nên chưa nhận quyết định của Tòa”, đến thời điểm mở phiên tòa ngày 30/3/2023, bị đơn Nguyễn Thanh T vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, chính xác trình tự thủ tục tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cũng như các văn bản pháp lý liên quan.

Nguyên đơn trong vụ án chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83/Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273/Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27/Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn. Về con chung: Do bị đơn không phối hợp nên đề nghị giao cả hai con chung cho nguyên đơn chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), để phù hợp với điều kiện thực tế và trên cơ sở nguyện vọng của con chung. Bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung do nguyên đơn không yêu cầu. Về tài sản chung, cho vay chung do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết và ấn định nghĩa vụ chịu án phí cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện ý kiến của đương sự Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại Khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39/Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu. Bị đơn Nguyễn Thanh T không có yêu cầu phản tố, vắng mặt tại 02 phiên tòa không rõ lý do mặc dù Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án đã được tổng đạt hợp lệ cho bị đơn. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227/Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Bị đơn trong vụ án nhiều lần vắng mặt, vì vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207/Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hải Y và anh Nguyễn Thanh T có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T trên cơ sở tự nguyện, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị Y, anh T chung sống với nhau hạnh phúc, tuy nhiên đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016 cho đến nay. Theo lời khai của chị Y thì chị đã nhiều lần làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh T, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa anh T, chị Y không đạt được, chị Y vẫn nhất quyết xin được ly hôn với anh T, vì vậy HĐXX cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56/Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn.

[3]. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Hải Y và anh Nguyễn Thanh T có 02 con chung là hiện còn nhỏ và sống phụ thuộc. Anh T trong quá trình giải quyết vụ án đã không hợp tác với Tòa án để trình bày ý kiến, quan điểm của mình về việc nuôi con khi ly hôn, chị Y có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyện vọng của con chung Nguyễn Bá Minh Q mong muốn được mẹ là chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Con chung Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 12/3/2016, giới tính nữ, hiện còn nhỏ, cần bàn tay chăm sóc của người mẹ. Xét thấy nguyện vọng của nguyên đơn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là có căn cứ. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Hải Y để giao cho nguyên đơn chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung là phù hợp. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án hoặc khởi kiện vụ án dân sự khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Bị đơn không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147/Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83/Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273/Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27/Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Hải Y  
2. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Hải Y được ly hôn với bị đơn Nguyễn Thanh T.

3. Về nuôi con chung: Giao các con chung Nguyễn Bá Minh Q, sinh ngày 15/05/2010 và Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 12/3/2016 cho nguyên đơn Nguyễn Hải Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, không bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi và có khả năng lao động. Bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bị đơn không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của nguyên đơn trực tiếp nuôi con.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Hải Y phải chịu 300.000<sup>d</sup> án phí dân sự sơ thẩm, chị Y đã nộp 300.000<sup>d</sup> tạm ứng án phí theo biên lai số 0000932, ngày 07/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, nay 300.000<sup>d</sup> đã nộp được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện T;
- UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

**Đoàn Trung Phước**